

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng
nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc ban hành quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 622-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa (khóa XIX) ban hành Chương trình Phát triển nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 172/TTr-VPĐP ngày 31/3/2022 của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh về việc đề nghị ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Trưởng ban chỉ đạo, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- BCD TƯ các Chương trình MTQG (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Văn phòng Điều phối NTM TƯ;
- Trưởng BCD, các Phó Trưởng BCD tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCD tỉnh;
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022, nhằm đảm bảo việc triển khai và tổ chức thực hiện Chương trình có hiệu quả, bền vững trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Cụ thể hóa nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của cấp ủy Đảng, chính quyền, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG ở các cấp; tạo sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên của Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đối với việc thực hiện Chương trình.

2. Yêu cầu

- Quán triệt đầy đủ, sâu rộng nội dung các văn bản của Trung ương, của tỉnh về xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ tới các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể và mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

- Các cấp, các ngành và các địa phương xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm và hằng năm.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục triển khai Chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hóa, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động hợp

lý, các hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả; môi trường sinh thái được bảo vệ, cảnh quan môi trường nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; các giá trị văn hóa ở nông thôn được giữ gìn và phát huy; quốc phòng và an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được nâng cao.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 19 huyện, thị xã, thành phố, 88% số xã, 65% số thôn/bản miền núi, 60% số thôn/bản thuộc xã đặc biệt khó khăn trở lên đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó, có 04 huyện và 40% số xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã và 10% số thôn/bản trở lên đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu⁽¹⁾. *(Tương ứng với 19 đơn vị cấp huyện, 410 xã, 876 thôn/bản miền núi, 101 thôn/bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn trở lên đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó, có 04 huyện và 165 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 41 xã và 340 thôn/bản trở lên đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu).*

- Bình quân toàn tỉnh đạt 18,6 tiêu chí/xã, không còn xã dưới 15 tiêu chí, thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,53 lần.

1.2.1. Nông thôn mới

- Cấp huyện: Trong giai đoạn 2021-2025, có thêm 11 đơn vị cấp huyện (gồm: *Thịệu Hóa, Nông Cống, Triệu Sơn, Hậu Lộc, Hà Trung, Như Thanh, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thạch Thành và thị xã Bỉm Sơn, thành phố Sầm Sơn*) đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; nâng tổng số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới lũy kế đến hết năm 2025 là 19 đơn vị.

- Cấp xã: Trong giai đoạn 2021-2025, có thêm 85 xã đạt chuẩn nông thôn mới; nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới lũy kế đến hết năm 2025 là 410 đơn vị, tương ứng khoảng 88% (*tổng số xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh*).

- Cấp thôn/bản: Trong giai đoạn 2021-2025, có thêm 215 thôn/bản miền núi, 101 thôn/bản thuộc xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới; nâng tổng số thôn/bản đạt chuẩn nông thôn mới lũy kế đến hết năm 2025 là 876 đơn vị, tương ứng khoảng 65% (*tổng số thôn/bản miền núi trên địa bàn tỉnh*), 64 thôn/bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn, tương ứng khoảng 60% số thôn/bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn.

1.2.2. Nông thôn mới nâng cao

- Cấp huyện: Trong giai đoạn 2021-2025, có 04 huyện (*Quảng Xương, Yên Định, Thọ Xuân, Triệu Sơn*) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Cấp xã: Trong giai đoạn 2021-2025, có thêm 140 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao lũy kế

¹ Đến 31/12/2021, toàn tỉnh có 27 huyện, thị xã, thành phố với 465 xã và 3.381 thôn/bản xây dựng nông thôn mới (*trong đó, có 1.355 thôn/bản thuộc 162 xã dân tộc và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, 169 thôn/bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn*).

đến hết năm 2025 là 165 xã, tương ứng khoảng 40% (tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh).

1.2.3. Nông thôn mới kiểu mẫu

- Cấp xã: Trong giai đoạn 2021-2025, có thêm 39 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu lũy kế đến hết năm 2025 là 41 xã, tương ứng khoảng 10% (tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh).

- Cấp thôn/bản: Trong giai đoạn 2021-2025, có thêm 278 thôn/bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; nâng tổng số thôn/bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu lũy kế đến hết năm 2025 là 340 thôn/bản tương ứng khoảng 10% (tổng số thôn/bản xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh).

(Chi tiết chỉ tiêu cụ thể của từng huyện, thị xã, thành phố tại phụ lục số 01)

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Công tác tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng

a) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên; cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp phổ biến, quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng nông thôn mới đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, các cơ quan, doanh nghiệp và mọi người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn mới 2021-2025². Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ phát động.

b) Giao Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trong tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể và mỗi người dân; đặc biệt là tuyên truyền cho mỗi người dân khu vực nông thôn nhận thức rõ vai trò chủ thể, hiểu được lợi ích và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Chương trình.

c) Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện thị xã, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kế hoạch tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới cho cán bộ nông thôn mới cấp huyện, xã, thôn/bản trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2025, nhằm nâng cao kiến thức, năng lực quản lý,

² Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội (Khóa XV) về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 622-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa (khóa XIX) ban hành Chương trình Phát triển nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025 và các văn bản khác có liên quan.

điều hành và thực thi nhiệm vụ của cán bộ nông thôn mới các cấp, báo cáo trong quý II/2022.

d) Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh triển khai Quy định tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh.

2.2. Rà soát, hoàn thiện khung văn bản quy định tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, giai đoạn 2021-2025

- Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng Bộ tiêu chí nông thôn mới ở 3 mức độ (*đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu*) đối với cấp huyện, xã, thôn/bản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, đáp ứng yêu cầu của các Bộ tiêu chí nông thôn mới quốc gia giai đoạn 2021-2025, được Thủ tướng Chính phủ quy định, đồng thời phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của các vùng miền của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động tham mưu cho BCĐ tỉnh, UBND tỉnh hoặc trực tiếp ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các nội dung, tiêu chí nông thôn mới ở các mức độ (*đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu*) thuộc các Bộ tiêu chí ở cấp huyện, xã, thôn/bản do ngành phụ trách theo phân cấp.

2.3. Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình đạt hiệu quả, chất lượng, bền vững

a) Định hướng các nội dung

- Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn, gắn với quá trình đô thị hóa. UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương chỉ đạo tổ chức rà soát, lập (*hoặc điều chỉnh*) quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định³ và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; hoàn thành trong năm 2022.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng cơ bản phục vụ sản xuất và dân sinh ở nông thôn (*giao thông, điện, thủy lợi, trường học, trạm y tế, nước sạch tập trung, ...*), đảm bảo đồng bộ và kết nối các vùng miền.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển ngành nghề nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã và chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; ... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững và giảm nghèo, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

³ Hiện còn 06 huyện chưa được phê duyệt Quy hoạch vùng huyện, gồm: Thạch Thành, Như Thanh, Như Xuân, Quan Hóa, Lang Chánh, Mường Lát; 219 xã thuộc đối tượng phải thực hiện Quy hoạch chung chưa được phê duyệt.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân; chú trọng, duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân, đảm bảo hiệu quả phòng, chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; nâng cao chất lượng đời sống người dân nông thôn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, gắn với phát triển du lịch nông thôn.

- Bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp, an toàn, giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn. Tổ chức triển khai có hiệu quả Phương án xử lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050⁽⁴⁾; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh; đẩy mạnh xử lý môi trường ở những nơi gây ô nhiễm nghiêm trọng (*làng nghề, bãi tập trung chôn lấp, xử lý rác, ...*); cải tạo nghĩa trang phù hợp với cảnh quan môi trường; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán, gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt⁽⁵⁾; tập trung phát triển các mô hình nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu; triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025” theo hướng dẫn của Trung ương.

- Giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội nông thôn. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực phòng ngừa, tham gia phát hiện, đấu tranh, tố giác tội phạm, tệ nạn xã hội, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa bàn nông thôn. Giải quyết kịp thời các tranh chấp, khiếu kiện, mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân; tập trung phát hiện, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Tiếp tục xây dựng khu dân cư, xã, cơ quan, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”. Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh rộng khắp, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh từ cơ sở; triển khai thực hiện 5 nhóm nội dung nhiệm vụ Quân đội tham gia xây dựng nông thôn mới.

b) Phân công nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

- Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch lãnh đạo, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới ở cả 3 mức độ (*đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu*) cho giai đoạn và từng năm thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành trong phạm vi toàn tỉnh. Nội dung kế hoạch của từng ngành, đơn vị căn cứ chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới theo 11 nội dung thành phần của Chương trình tại Quyết định số 263/QĐ-TT ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 622-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và mục tiêu, nhiệm vụ của ngành để xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình cụ thể để thực hiện tiêu chí theo lĩnh vực chuyên môn của ngành qua từng năm và cả giai đoạn, báo cáo UBND tỉnh trước 30/6/2022 (*qua Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh*).

4 Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh.

5 Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phân công cho các sở, ngành chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn và phụ trách tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ⁶ triển khai trên địa bàn tỉnh (*chi tiết phân công các sở, ngành phụ trách tiêu chí tại Phụ lục số 02*).

(*Riêng đối với việc phân công chỉ đạo, phụ trách các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu sẽ thực hiện khi UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu*).

- Giao Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh:

+ Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, tham mưu cho UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp “đỡ đầu”, hỗ trợ, giúp đỡ các huyện, xã phấn đấu hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025.

+ Chủ trì, mời, phối hợp với Ủy ban MTTQ tỉnh và các đơn vị liên quan, hằng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí đối với các địa phương đã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho UBND tỉnh Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 15 xã biên giới và xã Mường Lý của tỉnh Thanh Hóa, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2021 - 2030⁷.

c) Nhiệm vụ của các địa phương:

BCĐ, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở các văn bản quy định của Trung ương, của tỉnh và hướng dẫn của các sở, ban, ngành cấp tỉnh về việc thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 để ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình, trong đó, phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình và kế hoạch vốn thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm và hàng năm bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ báo cáo UBND tỉnh (*qua Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh*); trong đó, chú trọng việc nâng cao chất lượng các tiêu chí để đến năm 2025, địa phương không còn xã dưới 15 tiêu chí. Chỉ đạo các xã xây dựng Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, định hướng 2030.

Đối với các huyện có xã đạt dưới 15 tiêu chí nông thôn mới/xã (tính đến 31/12/2021): Khẩn trương rà soát, đánh giá sát, đúng thực trạng các tiêu chí, tiến hành xây dựng chi tiết kế hoạch hoàn thành các tiêu chí, đảm bảo đến năm

⁶ Ngày 08/3/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành: Quyết định số 318/QĐ-TTg Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 319/QĐ-TTg về quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 320/QĐ-TTg ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

⁷ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045).

2025, trên địa bàn không còn xã dưới 15 tiêu chí, gửi Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Đối với các huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới và các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025: Yêu cầu UBND các huyện xây dựng Đề án xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, báo cáo UBND tỉnh (*qua Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh*).

2.3. Cơ chế thực hiện Chương trình và triển khai đồng bộ giải pháp huy động nguồn lực nhằm thực hiện có hiệu quả, bền vững Chương trình

- Cơ chế thực hiện Chương trình theo quy định tại điểm 1, mục V, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Yêu cầu các sở, ban, ngành, các địa phương và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện, nhất là phải triển khai có hiệu quả nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

+ Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh trên cơ sở các văn bản quy định hiện hành tham mưu cho UBND tỉnh quy định về lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung giữa các Chương trình MTQG, phân đấu hoàn thành các mục tiêu xây dựng nông thôn mới của tỉnh đã đề ra.

+ Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định và tổng hợp vào kế hoạch, phương án phân bổ vốn đầu tư công 5 năm, hằng năm, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình trên cơ sở đề xuất của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Giao Sở Tài chính:

+ Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp phương án phân bổ vốn sự nghiệp trung ương hỗ trợ, vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng nông thôn mới 5 năm, hằng năm, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình trên cơ sở đề xuất của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Chủ trì, phối hợp Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới của tỉnh đã ban hành và đối ứng với ngân sách Trung ương theo quy định.

+ Theo dõi, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hỗ trợ xây dựng nông thôn mới hàng năm theo quy định.

- Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh:

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức

phân bổ vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ thực hiện Chương trình và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương giai đoạn 2021-2025 (theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

+ Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch và phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương, tỉnh 5 năm, hằng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, thẩm định theo quy định, làm cơ sở báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát tất cả các cơ chế, chính sách, khảo sát thực tế để nắm bắt vướng mắc, khó khăn và bất cập của các chính sách để kịp thời báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung đối với những chính sách của tỉnh ban hành, kiến nghị với Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung đối với chính sách của Trung ương ban hành phù hợp với thực tế và hiệu quả hơn, tạo động lực mạnh mẽ khuyến khích phát triển sản xuất, thu hút doanh nghiệp đầu tư, chuyển giao khoa học và công nghệ, phát triển liên kết sản xuất.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố:

+ Triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 của Trung ương tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và của HĐND tỉnh tại Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; trên cơ sở điều kiện thực tế của địa phương để chỉ đạo, hướng dẫn và đề nghị HĐND cùng cấp ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới, trong đó, chú trọng giải pháp tháo gỡ những nút thắt, điểm nghẽn về cơ chế, chính sách để tạo động lực, kích thích các đơn vị, tổ chức, cá nhân thi đua thực hiện Chương trình.

+ Nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh về quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, trong đó, chú trọng việc nâng cao năng lực quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện chặt chẽ việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn, không đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư dự án khi chưa xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

+ Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động tối đa nguồn lực của địa phương để tổ chức triển khai Chương trình. Trên cơ sở quy định tỷ lệ phân cấp nguồn thu giai đoạn 2022-2025 tại Nghị quyết số 176/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh, điều kiện thực tế, khả năng ngân sách của địa phương để ưu tiên, bố trí nguồn vốn thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới, đảm bảo nguyên tắc phải bố trí đủ vốn ngân sách địa phương đối ứng theo quy định để thực hiện Chương trình trên địa bàn.

+ Thực hiện tốt vận động thu hút cộng đồng tham gia, đóng góp xây dựng nông thôn mới, nhất là khu vực doanh nghiệp, riêng đối với người dân phải tuân thủ nguyên tắc tuyên truyền, khuyến khích tham gia theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân.

* Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025 khoảng 44.700 tỷ đồng, gồm:

- + Vốn ngân sách nhà nước 19.200 tỷ đồng, chiếm 42,95%.
- + Vốn ngoài ngân sách nhà nước 20.500 tỷ đồng, chiếm 45,86%.
- + Vốn huy động từ cộng đồng 5.000 tỷ đồng, chiếm 11,19%.

(Theo Quyết định số 622-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh)

2.4. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tham gia thực sự có hiệu quả trong việc triển khai thực hiện Chương trình

a) Kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2021-2025:

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2021-2025 *(đã thực hiện, tại Quyết định số 404-QĐ/TU ngày 05/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*.

- Thành lập Ban Chỉ đạo chung cho các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 ở các địa phương theo quy định *(tại Nghị quyết số 24/2021/QH15 và Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội và Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)*. Thực hiện kiện toàn bộ máy cơ quan tham mưu, giúp việc Ban chỉ đạo các cấp theo hướng kế thừa bộ máy đã được xây dựng giai đoạn 2016-2020⁸; đảm bảo đồng bộ, thống nhất về vị trí, chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo chuyên trách, chuyên nghiệp, ổn định, bền vững nhưng không làm phát sinh tổng biên chế giao, tăng cường cán bộ biệt phái. Điều chỉnh, bổ sung một số nhiệm vụ mới cho phù hợp với Chương trình giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và pháp luật hiện hành.

b) Các cấp ủy Đảng, chính quyền, doanh nghiệp và mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu nâng cao nhận thức, trách nhiệm, vị trí, vai trò của việc xây dựng nông thôn mới, tạo đồng thuận cao trong xã hội để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

c) UBND các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở quán triệt sâu sắc những nội dung xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và theo Quyết định số 622-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh rà soát, xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm và hàng năm bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ, phân công, phân cấp trách nhiệm cụ thể, gửi Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh.

d) Các cấp, ngành, địa phương đề cao vị trí, vai trò và tầm quan trọng của doanh nhân, doanh nghiệp đối với phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; nâng

⁸ Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp; Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp.

cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với việc xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân.

đ) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội gắn phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; tiếp tục phát huy vai trò phản biện, giám sát đối với xây dựng nông thôn mới.

e) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Kịp thời động viên, khích lệ, biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình; đồng thời, có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ban Chỉ đạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị để tổ chức thực hiện, đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và tiến độ, thời gian quy định.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ban Chỉ đạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai nghiêm túc các nội dung kế hoạch này, định kỳ ngày 20 tháng cuối quý báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên gương mẫu, thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới.

4. Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này.

5. Trong quá trình triển khai Kế hoạch, nếu có gì vướng mắc, đề nghị các đơn vị gửi văn bản phản ánh về Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Phụ lục số 01: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÂY DỰNG HUYỆN, XÃ, THÔN/BẢN NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Tổng số xã xây dựng NTM	Kết quả thực hiện đến nay (31/3/2022)										Kế hoạch thực hiện đến năm 2025									
			Xã NTM		Trong đó				Thôn, bản miền núi NTM		Thôn, bản NTM kiểu mẫu		Xã đạt chuẩn NTM		Trong đó				Thôn, bản miền núi NTM		Thôn, bản NTM kiểu mẫu	
					Nâng cao		Kiểu mẫu								Xã NTM nâng cao		Xã NTM kiểu mẫu					
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tổng cộng toàn tỉnh		465	346	74.4	56	16.2	9	2.6	690	52	214	6.3	410	88.17	165	40.24	41	10.00	876	65	340	10
1	Quảng Xương	25	25	100	7	28	1	4			33	13	25	100	17	68.00	6	24.00			27	16
2	TX. Bim Sơn	1	1	100	0	0					1	17	1	100	0	0	0			1	17	
3	TP Thanh Hóa	4	4	100	2	50					6	25	4	100	4	100	1	25.00			7	29
4	Hoảng Hóa	36	36	100	5	14	1	2.8			16	7	36	100	15	41.67	5	13.89			20	9
5	Nga Sơn	23	23	100	2	9					5	3	23	100	10	43.48	2	8.70			20	13
6	Hậu Lộc	21	18	86	3	17					9	3	21	100	8	38.10	1	4.76			20	15
7	Tp. Sầm Sơn	3	3	100	0	0							3	100	1	33.33		0				
8	TX. Nghi Sơn	13	7	54	0	0							12	92.31	2	16.67	1	8.33			1	1
Tổng các huyện đồng bằng ven biển		126	117	93	19	16	2	1.7	0		69	8.5	125	99.21	57	45.60	16	12.80	0		96	12
9	Yên Định	22	22	100	5	22.7	2	9.1	0		8	7	22	100	14	63.64	2	9.09			11	10
10	Đông Sơn	13	13	100	3	23	2	15	0		43	51	13	100	8	61.54	4	30.77			43	51
11	Thọ Xuân	26	26	100	10	38.5	2	7.7	32	58	10	4	26	100	18	69.23	5	19.23	32	58	25	11

12	Thịệu Hóa	24	24	100	1	4			0		6	4	24	100	11	45.83	2	8.33			15	10
13	Nông Cống	28	28	100	4	14	1	4	0		5	3	28	100	9	32.14	3	10.71			5	3
14	Vĩnh Lộc	12	12	100	3	25					15	15	12	100	6	50.00	2	16.67			23	23
15	Hà Trung	19	14	74	3	21.4			6	67	9	3	19	100	3	15.79	1	5.26	6	67	11	8
16	Triệu Sơn	32	32	100	3	9			17	63	3	1	32	100	19	59.38	2	6.25	17	63	10	4
Tổng các huyện đồng bằng, trung du		176	171	97.2	32	19	7	4.1	55	60.4	99	8.0	176	100	88	50.00	21	11.93	55	60	143	12
17	Thạch Thành	23	9	39	1	11			99	65	6	4	16	69.57	4	25.00	1	6.25	130	85	14	8
18	Như Thanh	13	9	69	2	22			69	52	12	8	13	100	4	30.77	1	7.69	84	64	15	10
19	Cẩm Thủy	16	9	59	0	0			44	51	5	5	16	100	2	12.50	1	6.25	55	63	13	13
20	Ngọc Lặc	20	12	60	1	11			133	74	3	2	20	100	3	15.00		0	163	91	11	6
21	Thường Xuân	15	6	40	1	17			33	33	5	4	9	60.00	2	22.22	1	11.11	50	50	7	6
22	Quan Hóa	14	1	7	0	0			31	33	1	1	3	21.43	1	33.33		0	37	40	6	7
23	Quan Sơn	11	2	18	0	0			56	67	9	11	6	54.55	1	16.67		0	63	76	16	19
24	Như Xuân	15	5	33	0	0			39	35	1	1	8	53.33	1	12.50		0	56	50	3	3
25	Lang Chánh	9	2	22	0	0			31	48	1	2	5	55.56	1	20.00		0	45	70	5	8
26	Bá Thước	20	3	15	0	0			83	45	3	2	11	55.00	1	9.09		0	108	59	10	5
27	Mường Lát	7	0	0	0				17	22			2	28.57	0	0		0	30	39	1	1
Tổng cộng các huyện miền núi		163	58	35.6	5	8.6	0	0	635	50	46	3	109	66.87	20	18.35	4	3.67	821	65	101	8

Ghi chú: Đến 31/12/2021, toàn tỉnh có 559 đơn vị hành chính cấp xã (469 xã, 60 phường, 30 thị trấn), trong đó, có 465 xã xây dựng NTM, 04 xã không thực hiện quy hoạch xây NTM, theo đó, không thực hiện xây dựng NTM (Ngư Lộc-Hậu Lộc, Xuân Lai-Thọ Xuân, Hải Hà, Hải Yến-Tĩnh Gia theo Công văn số 7274/UBND-NN ngày 25/10/2011 của UBND tỉnh).

**Phụ lục số 02: PHÂN CÔNG CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CHỈ ĐẠO, KIỂM TRA, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TIÊU CHÍ
NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới đơn vị phụ trách			
		Bộ tiêu chí xã		Bộ tiêu chí huyện	
		Nông thôn mới	Nông thôn mới nâng cao	Nông thôn mới	Nông thôn mới nâng cao
1	Sở Xây dựng	- Tiêu chí số 1 về Quy hoạch. - Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư. - Chỉ tiêu số 17.5 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm.	- Tiêu chí số 1 về Quy hoạch. - Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư. - Chỉ tiêu số 17.9, 17.10 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường.	Tiêu chí số 1 về Quy hoạch.	Tiêu chí số 1 về Quy hoạch.
2	Sở Giao thông vận tải	Tiêu chí số 2 về Giao thông.	Tiêu chí số 2 về Giao thông.	Tiêu chí số 2 về Giao thông.	Tiêu chí số 2 về Giao thông.
3	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai. - Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn. - Các chỉ tiêu số 17.1, 17.4, 17.9 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm. - Chỉ tiêu số 18.6 thuộc tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.	- Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai. - Các chỉ tiêu số 13.1, 13.2, 13.3, 13.4, 13.6, 13.8 thuộc tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn. - Các chỉ tiêu số 17.7, 17.8, 17.11 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường. - Các chỉ tiêu số 18.1, 18.2, 18.3 thuộc tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống.	- Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai. - Các chỉ tiêu số 6.3, 6.4 thuộc tiêu chí số 6 về Kinh tế. - Các chỉ tiêu số 7.3, 7.6 thuộc tiêu chí số 7 về Môi trường. - Các chỉ tiêu số 8.1, 8.2 thuộc tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống.	- Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai. - Các chỉ tiêu số 6.2, 6.4 thuộc tiêu chí số 6 về Kinh tế. - Các chỉ tiêu số 7.3, 7.6 thuộc tiêu chí số 7 về Môi trường. - Các chỉ tiêu số 8.1, 8.2, 8.3 thuộc tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống.

4	Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí số 4 về Điện. - Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí số 4 về Điện. - Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn. - Chỉ tiêu số 13.5 thuộc tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí số 4 về Điện. - Các chỉ tiêu số 6.1, 6.2 thuộc tiêu chí số 6 về Kinh tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí số 4 về Điện. - Các chỉ tiêu số 6.1, 6.3 thuộc tiêu chí số 6 về Kinh tế.
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí số 5 về Trường học. - Tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo. 	Tiêu chí số 5 về Giáo dục.	Các chỉ tiêu số 5.3, 5.4 thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục.	Các chỉ tiêu số 5.4, 5.5 thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục.
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hoá. - Tiêu chí số 16 về Văn hoá. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí số 6 về Văn hoá. - Chỉ tiêu số 13.7 thuộc tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn. 	Chỉ tiêu số 5.2 thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục.	<ul style="list-style-type: none"> Các chỉ tiêu số 5.2, 5.3 thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục. - Chỉ tiêu số 6.5 thuộc tiêu chí số 6 về Kinh tế.
7	Sở Thông tin và Truyền thông	Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông.	Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông.		Chỉ tiêu số 8.9 thuộc tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống.
8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều. - Tiêu chí số 12 về Lao động. - Chỉ tiêu số 18.5 thuộc tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều. - Tiêu chí số 12 về Lao động. 		

9	Sở Y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Các chỉ tiêu số 15.2, 15.3, 15.4 thuộc tiêu chí số 15 về Y tế. - Các chỉ tiêu số 17.8, 17.10 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các chỉ tiêu số 14.2, 14.3, 14.4 thuộc tiêu chí số 14 về Y tế. - Các chỉ tiêu số 18.4, 18.5, 18.6, 18.7 thuộc tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu số 5.1 thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục. - Các chỉ tiêu số 8.5 thuộc tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống. 	Các chỉ tiêu số 8.6, 8.7, 8.8 thuộc tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống.
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các chỉ tiêu số 17.2, 17.3, 17.6, 17.7, 17.11, 17.12 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> - Các chỉ tiêu số 17.1, 17.2, 17.3, 17.4, 17.5, 17.6, 17.12 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm. - Chỉ tiêu số 18.8 thuộc tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các chỉ tiêu số 7.1, 7.2, 7.4, 7.5, 7.7, 7.8 thuộc tiêu chí số 7 về Môi trường. - Các chỉ tiêu số 8.3, 8.4 thuộc tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các chỉ tiêu số 7.1, 7.2, 7.4, 7.5, 7.7, 7.8 thuộc tiêu chí số 7 về Môi trường. - Các chỉ tiêu số 8.4, 8.5 thuộc tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống.
11	Sở Nội vụ	Các chỉ tiêu số 18.1, 18.2 thuộc tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.		Các chỉ tiêu số 9.1, 9.3 thuộc tiêu chí số 9 về Hệ thống Chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công.	
12	Sở Tư pháp	Chỉ tiêu số 18.4 thuộc tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.	Tiêu chí số 16 về Tiếp cận Pháp luật.	Chỉ tiêu số 9.6 thuộc tiêu chí số 9 về Hệ thống Chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công.	
13	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Chỉ tiêu số 19.1 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh.	Chỉ tiêu số 19.1 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh.		
14	Công an tỉnh	Chỉ tiêu số 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh.	Chỉ tiêu số 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh.	Chỉ tiêu số 9.4 thuộc tiêu chí số 9 về Hệ thống Chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công.	Chỉ tiêu số 9.1 thuộc tiêu chí số 9 về An ninh, trật tự - Hành chính công.
15	Cục Thống kê tỉnh	Tiêu chí số 10 về Thu nhập.	Tiêu chí số 10 về Thu nhập.		

16	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Chỉ tiêu số 15.1 thuộc tiêu chí số 15 về Y tế.	Chỉ tiêu số 14.1 thuộc tiêu chí số 14 về Y tế.		Các chỉ tiêu số 5.1 thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục.
17	Văn phòng UBND tỉnh		Tiêu chí số 15 về Hành chính công.	Chỉ tiêu số 9.5 thuộc tiêu chí số 9 về Hệ thống Chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công.	Chỉ tiêu số 9.2 thuộc tiêu chí số 9 về An ninh, trật tự - Hành chính công.
18	Ủy ban MTTQ tỉnh	Chỉ tiêu số 18.3 thuộc tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.		Chỉ tiêu số 9.2 thuộc tiêu chí số 9 về Hệ thống Chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công.	

Ghi chú: Đối với việc phân công chỉ đạo, phụ trách tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu sẽ thực hiện khi UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025.